

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non, giai đoạn 2018-2025, UBND tỉnh Lào Cai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Đẩy mạnh rà soát, quy hoạch, sắp xếp hệ thống trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em 5 tuổi và chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi. Thực hiện công bằng trong giáo dục mầm non; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Tăng cường phổ biến kiến thức và tư vấn nuôi dạy trẻ cho các gia đình, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp 1.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn 2018-2020:

- Duy trì phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi ở 164 xã, phường, thị trấn. Phân đầu tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp đạt: thấp nhất là 30% đối với trẻ nhà trẻ, 97,5% đối với trẻ mẫu giáo, riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,8% trở lên.

- Duy trì 100% nhóm, lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú; giảm trung bình tỷ lệ suy dinh dưỡng các thể nhẹ cân, thấp còi từ 0,2 đến 0,3%/năm trở lên; trẻ em thừa cân - béo phì được không chế. 100% trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số được chuẩn bị sẵn sàng tâm thế trước khi vào lớp 1. Tiếp tục thí điểm chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non từ 18% trở lên.

- Có từ 70% trở lên giáo viên có trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non, ít nhất 75% đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức độ khá; ít nhất 40% nhà giáo biết một thứ tiếng dân tộc; ít nhất 50% nhà giáo là đảng viên; 100% trường mầm non có tổ chức cơ sở Đảng; ít nhất 80% cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ lý luận chính trị; 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng năng lực xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với yêu cầu mới.

- 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, ít nhất 58% trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố đạt từ 90% trở lên; ít nhất 60% nhóm, lớp được trang bị đủ thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi; 50% các trường có đủ phòng chức năng, hành chính quản trị, nhà bếp theo quy định; 100% các trường được lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin; 100% các trường, nhóm, lớp có đủ công trình vệ sinh, nước sạch đảm bảo yêu cầu.

2.2. Giai đoạn 2021-2025:

- Phân đầu tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp đạt thấp nhất là 31% đối với trẻ nhà trẻ, 98% đối với trẻ mẫu giáo, riêng trẻ 5 tuổi đạt 99.9% trở lên. Tăng tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập từ 10% trở lên.

- Duy trì 100% nhóm, lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú; giảm trung bình tỷ lệ suy dinh dưỡng các thể nhẹ cân, thấp còi từ 0,2-0,3%/năm. Phân đầu 30% trẻ mầm non được làm quen tiếng Anh.

- Phân đầu đủ số lượng và đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định; ít nhất 85% giáo viên có trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non, 80% trở lên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức độ khá; ít nhất 50% nhà giáo biết một thứ tiếng dân tộc; ít nhất 55% nhà giáo là đảng viên; 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn lý luận chính trị và được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng năng lực xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với yêu cầu mới.

- Trên 70% số trường mầm non đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

- Phân đầu đạt 98% phòng học kiên cố, bán kiên cố (kiên cố 63%, bán kiên cố 35%); 100% nhóm, lớp được trang bị đủ thiết bị dạy học và đồ dùng đồ chơi; 70% các trường có đủ phòng chức năng, hành chính quản trị, nhà bếp theo quy định.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao nhận thức về giáo dục mầm non:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của GDMN trong hệ thống giáo dục quốc dân. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về phát triển GDMN của tỉnh.

- Đưa chỉ tiêu huy động trẻ đến trường vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo thực hiện và đưa vào tiêu chuẩn bình xét, đánh giá các cơ sở GDMN, các tổ chức cơ sở Đảng, Chính quyền địa phương, đoàn thể để thực hiện các chỉ tiêu và quyền bình đẳng cho trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nhà giáo tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở GDMN. Chú trọng tuyên truyền việc làm tốt, gương sáng nhà giáo, tập thể tiêu biểu trong đội mới phát triển GDMN.

2. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường nguồn lực tài chính đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường mầm non theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa. Tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tiếp tục quy hoạch và mở rộng diện tích đất ở các trường và khoảng điểm trường để xây dựng đủ các phòng học, phòng chức năng, khu vui chơi, vận động, trải nghiệm cho trẻ theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”.

- Đầu tư xây dựng 317 phòng học; 327 phòng phục vụ học tập; 261 nhà bếp và kho; 301 phòng hành chính quản trị; 154 nhà vệ sinh. Mua sắm bổ sung 861 bộ thiết bị đồ dùng tối thiểu của nhóm, lớp; 389 bộ đồ chơi ngoài trời.

- Đẩy mạnh xây dựng trường mầm non đạt mức kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia. Ưu tiên kiên cố hóa trường, lớp với các phòng học tạm, nhờ, cấp 4 xuống cấp; cải tạo và bổ sung thêm công trình vệ sinh, nước sạch đạt chuẩn. Quan tâm đầu tư các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy trong các trường mầm non.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) cho 100% các trường, lớp và ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy.

- Khuyến khích thành lập thêm ít nhất 01 trường mầm non và các nhóm, lớp độc lập tư thục. Nghiên cứu từng bước chuyển đổi 01 trường mầm non công lập thành trường mầm non ngoài công lập ở thành phố Lào Cai. Xây dựng ít nhất 03 trường mầm non chất lượng cao, ít nhất 01 trường mầm non quốc tế.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng đội ngũ với khoảng 570 cán bộ quản lý và 5.378 giáo viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp; có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng chương trình giáo dục mầm non theo xu hướng phát triển, tiếp cận giáo dục mầm non tiên tiến (trong đó cần đào tạo đạt chuẩn cán bộ quản lý khoảng 466 người; bồi dưỡng nâng chuẩn chuyên môn nghiệp vụ khoảng 1311 người; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc khoảng 2809 người).

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; cập nhật kiến thức, kỹ năng để thực hiện linh hoạt sáng tạo chương trình GDMN.

- Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Đảm bảo thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ nhà giáo. Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên nòng cốt, tiêu biểu được tham quan, học tập các điển hình tiên tiến trong nước và khu vực.

4. Đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ mầm non:

- Ứng dụng CNTT, cải cách hành chính trong quản lý chỉ đạo, điều hành ở 100% cơ sở giáo dục mầm non theo hướng đồng bộ, kết nối liên thông, trên cơ sở

dữ liệu toàn ngành phục vụ công tác quản lý từ trường đến Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức và giảm tải cho giáo viên mầm non.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học theo hướng mở nhằm tạo cho trẻ vui chơi, học tập, khám phá và trải nghiệm. Chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, phát triển khả năng tự tin, tự lập và khả năng giao tiếp; trẻ mẫu giáo ở những nơi có điều kiện được làm quen với tin học, ngoại ngữ, phù hợp với tâm lý, độ tuổi, từng bước cho trẻ tiếp cận với các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại; lựa chọn xây dựng trường mầm non chất lượng cao ở nơi đủ điều kiện.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế vùng miền; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm lớp độc lập tự thực; hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt trách nhiệm gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo cho trẻ an toàn về thể chất và tinh thần; hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động. Phối hợp tốt với ngành Y tế tăng cường công tác khám, phát hiện, can thiệp sớm trẻ em có khó khăn về thể chất và tâm lý; hướng dẫn, tuyên truyền trong cộng đồng, cha mẹ trẻ biết để kịp thời phát hiện, can thiệp sớm cho trẻ.

5. Đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hóa trong giáo dục mầm non và tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện tốt nhất để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ tư vấn pháp lý về thủ tục thành lập trường, nhóm lớp tự thực; cấp giấy phép hoạt động. Khuyến khích xã hội hóa việc xây dựng và phát triển trường mầm non chất lượng cao ở nơi có đủ các điều kiện.

- Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của UBND xã, phường, thị trấn đối với các cơ sở giáo dục mầm non là nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực; khuyến khích nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực thành lập trường khi đủ điều kiện, để trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện đảm bảo.

- Thực hiện cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục mầm non ở các địa phương có điều kiện, như thành phố Lào Cai, trung tâm các huyện.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển giáo dục mầm non. Phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức hội nghị, hội thảo về chăm sóc và phát triển trẻ em và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về giáo dục mầm non.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện nguồn kinh phí đã được bố trí theo Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh về đầu tư xây phòng học, xóa phòng học tạm và nhà ăn, bếp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về thực hiện đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Các Chương trình, Đề án, Dự án, Kế hoạch phát triển giáo dục, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hằng năm của các huyện, thành phố.

(Có các Biểu số liệu về hiện trạng và nhu cầu kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục mầm non theo từng năm học; phối hợp với các sở, ban ngành kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch của các địa phương.

- Tăng cường quản lý, chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng chương trình giáo dục mầm non phù hợp với vùng miền. Hằng năm, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Phối hợp với các sở, ngành thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cân đối bố trí giáo viên mầm non đảm bảo yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công của ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện một số nội dung thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo kế hoạch hằng năm và cho từng giai đoạn của kế hoạch.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố, tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện kế hoạch (đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đồ dùng dạy học, đồ chơi; kinh phí chi thường xuyên).

4. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất cơ chế, nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo viên, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân cấp quản lý giáo dục toàn diện đảm bảo quy định và hiệu quả cao.

5. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng:

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố trong công tác quản lý xây dựng cơ bản đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình trường học theo tiêu chuẩn.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Lào Cai và các chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em. Tăng cường vận động nguồn lực hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

7. Sở Y tế:

Chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho nhân dân và công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh trong trường học và cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ để nâng cao thể lực cho trẻ.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố trong việc quy hoạch quỹ đất dành cho các trường mầm non theo Đề án và quy hoạch mạng lưới trường lớp đối với giáo dục mầm non.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

Tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non của tỉnh.

11. UBND các huyện, thành phố:

Căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện trọng tâm và hiệu quả; đồng thời, chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối triển khai thực hiện các mục tiêu của kế hoạch, cụ thể:

- Tiếp tục rà soát, quy hoạch trường, lớp; đảm bảo diện tích đất cho các trường, điểm trường (nếu thiếu cần đề xuất bổ sung quy hoạch sử dụng đất) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường, điểm trường.

- Hằng năm, xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự toán ngân sách cùng với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trình UBND tỉnh.

- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non đảm bảo về số lượng, chất lượng cho các nhóm, lớp. Đặc biệt, bố trí, sắp xếp hợp lý giáo viên để tăng tỉ lệ huy động nhà trẻ ra lớp. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em ở các loại

hình cơ sở giáo dục mầm non theo quy định của nhà nước. Lập kế hoạch nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ quản lý, giáo viên trong quy hoạch, làm cơ sở cho công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên tự bồi dưỡng, tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non ở địa phương.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, chương trình mục tiêu, xã hội hóa vào đầu tư đồng bộ, có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi phục vụ việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, tổ chức bán trú, học 2 buổi/ngày. Bố trí ngân sách theo quy định hiện hành; Huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất trường lớp (làm đường đi, sân chơi, hàng rào quanh khu vực trường...); góp thêm lương thực, thực phẩm và tự chủ hợp đồng nhân viên nấu ăn (phần đầu đạt 80% trẻ được ăn đủ bữa chính và bữa phụ tại trường); Khuyến khích các thầy, cô giáo, phụ huynh tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi bổ sung thêm bộ thiết bị dạy học. Tổ chức quản lý, sử dụng nguồn xã hội hóa đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả. Chỉ đạo sử dụng hiệu quả và bảo trì, bảo dưỡng các công trình xây dựng.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền chủ trương, chính sách về duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non tới các gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Tổ chức các đợt thi đua trong năm và có khen thưởng cho tổ chức cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác phát triển giáo dục, trong đó có giáo dục mầm non.

Căn cứ nội dung trên, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH1, QLĐT2, NC2, VX(14)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



**HỘI TRƯỞNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ TRƯỜNG, LỚP ĐẢM BẢO KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
VÀ ĐẠT YÊU CẦU CỦA TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA**

(Kèm theo Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đến tháng 4/2019		Dự báo phát triển trong giai đoạn 2020-2025								
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			
										Số lượng	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)	
1	Trường/Tổng số	Trường	202		200	200	200	199	198	198	198	-4	
1.1	Trường MN	Trường	194		192	192	192	191	190	190	190	-4	
1.2	Trường liên cấp MN, TH, THCS	Trường	8		8	8	8	8	8	8	8	0	
1.3	Công lập	Trường	190	94,1	188	188	187	186	185	185	185	-5	93,4
1.4	Ngoài công lập	Trường	12	5,9	12	12	13	13	13	13	13	1	6,6
1.5	Trường hoàn thành tự đánh giá	Trường	194	100	192	192	192	191	190	190	190	-4	100
1.6	Trường MN đạt tiêu chuẩn kiểm định CLGD	Trường	114	58,8	126	131	138	143	147	152	152	38	80
-	Chia ra: Cấp độ 2	Trường	85		97	100	103	105	106	109	109	18	
-	Cấp độ 3 trở lên	Trường	17		18	20	22	25	26	26	26	10	
1.7	Trường chuẩn Quốc gia	Trường	107	55,2	115	120	125	130	132	135	135	28	71,1
-	Chia ra: Mức 1	Trường	91		97	100	103	105	106	109	109	18	
-	Mức 2	Trường	16		18	20	22	25	26	26	26	10	
1.8	Trường MN chất lượng cao	Trường	0		1	2	3	3	3	3	3	3	
1.9	Trường MN CL chuyển sang NCL ở vùng có ĐK	Trường	0		0	0	0	0	1	1	1	1	
2	Nhóm, lớp/Tổng số		2322		2322	2338	2338	2338	2338	2340	2340	18	
2.1	Công lập	lớp	2118		2118	2118	2118	2118	2118	2118	2118	0	
2.2	Ngoài CL (gồm cả nhóm, lớp độc lập tư thục)	lớp	204		204	220	220	220	220	222	222	18	
3	Trẻ em ra lớp/ Tổng số		58072		59435	59717	59864	60189	60267	60050	1978		
3.1	Trẻ dưới 36 tháng tuổi	Trẻ	9566	26,7	9955	10801	11064	11300	11350	11450	1884	31	
3.1.1	Riêng 2 tuổi	Trẻ	8212	95,6	8993	9123	9336	9469	9667	10027	1815	99	
-	Công lập	Trẻ	7539	78,8	7555	8236	8549	8610	8602	8514	975	70,9	
-	Ngoài công lập (gồm cả trẻ trong N, L DLTT)	Trẻ	2027	21,2	2400	2565	2515	2690	2748	2936	909	29,1	
-	Trẻ 3- 5 tuổi	Trẻ	48506		49480	48916	48800	48889	48917	48600	94		
3.1.2	Riêng 5 tuổi	Trẻ	16416		16415	16418	16424	16425	16427	16430	14		
-	Công lập	Trẻ	46643	96,2	46784	46116	45940	45924	45907	45425	-1218	93,5	
-	Ngoài công lập (gồm cả trẻ trong N, L DLTT)	Trẻ	1863	3,8	2696	2800	2860	2965	3010	3175	1312	6,5	



HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI

(Kèm theo Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đến tháng 4/2019		Dự báo phát triển trong giai đoạn 2020-2025								
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			
										Số lượng	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)	
1	Khối phòng nhóm trẻ, lớp MG												
1.1	Tổng số phòng sinh hoạt chung	Phòng	2322		2322	2338	2338	2338	2338	2340	18		
-	Phòng học kiên cố và BKC	Phòng	2005	86,3	2088	2175	2245	2300	2325	2340	335	100	
-	Phòng học tạm	Phòng	82	3,5	42	24	18	0	0	0	-82	0,0	
-	Phòng học mượn, nhờ	Phòng	235	10,2	235	235	235	235	235	235	0	10,0	
-	Số phòng cần XD bổ sung	Phòng	317		63	67	60	55	35	37	317		
-	Số phòng cần sửa chữa, nâng cấp	Phòng	255		40	45	43	44	45	38	255		
1.2	Tổng số nhà vệ sinh của trẻ	Nhà/khu	1585		1653	1723	1755	1787	1811	1825	240		
-	Số nhà/khu VS cần XD bổ sung	Phòng	154		36	38	27	23	22	8	154		
-	Số nhà/khu VS cần sửa chữa, nâng cấp	Phòng	202		35	36	40	38	32	21	202		
2	Khối phòng phục vụ học tập/ Tổng số	Phòng	287		401	514	596	641	683	799	512		
-	Số phòng cần XD bổ sung	Phòng	327		60	70	60	55	45	37	327		
3	Nhà bếp và kho/ Tổng số	Nhà/khu	951		971	991	1000	1005	1005	1005	54		
-	Nhà bếp và kho đạt yêu cầu	Nhà/khu	710	74,7	744	785	830	855	879	903	193	89,6	
-	Nhà bếp và kho cần XD bổ sung	Nhà/khu	261		45	50	40	46	37	43	261		
4	Khối phòng hành chính quản trị/ Tổng số		876		919	960	1006	1051	1086	1177	301		
-	Số phòng cần XD bổ sung	phòng	301		53	51	56	55	45	41	301		
-	Số phòng cần sửa chữa, nâng cấp	phòng	153		33	30	25	25	20	20	153		
5	Sân chơi												
-	Tổng số sân chơi	sân	1005		1005	1005	1005	1005	1005	1005	0	100	
-	Sân có đồ chơi ngoài trời	sân	1005		1005	1005	1005	1005	1005	1005	0	100	
-	Vườn cây, rau, hoa	Vườn	959		964	984	985	987	988	988	29		
-	Sân chơi cần trang bị ĐCNT (1 bộ 5 ĐC)	Bộ	389		70	70	69	60	60	60	389		
6	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi		2322		2322	2338	2338	2338	2338	2340	18		
-	Số nhóm, lớp có đủ 100% danh mục QĐ	Nhóm, lớp	1191	51,3	1388	1606	1727	1829	1909	1992	801	85,1	
-	Số nhóm, lớp có từ 50 % danh mục trở lên	Nhóm, lớp	1131		934	732	611	509	429	348	-783	24,9	
-	Số nhóm lớp cần trang bị thêm TB,ĐD, ĐC	Nhóm, lớp	861		197	202	151	122	109	80	861		


HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
(Kèm theo Kế hoạch số 303 /KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đến tháng 4/2019		Dự báo phát triển trong giai đoạn 2020-2025							
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
										Số lượng	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ quản lý		488		519	538	553	569	570	570	82	
-	Hiệu trưởng	người	189	100	192	192	192	191	190	190	1	100
-	Phó Hiệu trưởng	người	299		327	346	361	378	380	380	81	
-	Số HT, PHT còn thiếu	người	82		31	19	15	16	1	0	82	
-	Đạt trình độ CM từ chuẩn trở lên	người	488	100	519	538	553	569	570	570	82	100
-	Đạt trình độ CM trên chuẩn	người	488	100	519	538	553	569	570	570	82	100
-	Số CBQL cần đào tạo đạt chuẩn	người										
-	Chia ra : Lí luận chính trị	người	285	58,4	89	76	72	28	20	0	285	0
-	Bồi dưỡng QLGD	người	181	37,1	39	39	38	35	30	0	181	0
-	Xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng mức khá trở lên	người	356	72,9	380	400	418	435	440	456	100	80
2	Giáo viên		4294		4644	4676	4910	5144	5260	5378	1084	
-	Tổng số GV (kể cả GV hợp đồng ngoài công lập)	người	4294		4483	4642	4766	4852	4906	4955	661	
-	Trong đó GV biên chế	người	3911		3985	4092	4205	4277	4350	4399	488	
-	Định biên	Người/lớp	1,85		2,0	2,0	2,1	2,2	2,25	2,3		2,3
-	Số GV còn thiếu cần bổ sung thêm	người	1084		350	32	234	234	116	118	1084	
-	Đạt trình độ CM từ chuẩn trở lên	người	4197	97,4	4644	4676	4910	5144	5260	5378	1181	100
-	Đạt trình độ CM trên chuẩn	người	2983	69,5	3375	3695	3983	4173	4313	4570	1587	85
-	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên	người	2938	70	3250	3365	3585	3858	4102	4302	1364	80
-	Số G V cần đào tạo nâng chuẩn	người	1311		389	264	249	209	200	0	1311	
-	Trình độ CĐSPMN	người	778		256	164	149	109	100	0	778	
-	Trình độ ĐHSMPN và thạc sỹ	người	533		133	100	100	100	100	0	533	
-	Số G V cần BD cấp CC tin học	người	1129		219	208	202	200	200	0	1029	
-	Số G V cần BD cấp CC ngoại ngữ/ tiếng Mông	người	1680		380	300	300	300	200	200	1680	
3	Nhân viên (gồm CD, BV, YT, VT, TQ, KT)		630		943	1143	1343	1443	1543	1643	1013	
-	Tổng số nhân viên	người	630		912	1025	1104	1160	1204	1262	632	
-	Riêng NV cấp dưỡng	người	240		459	659	759	859	959	1059	819	
-	Số nhân viên còn thiếu	người	1013		313	200	200	100	100	100	1013	
-	Số NV cấp dưỡng còn thiếu theo định mức	người	819		219	200	100	100	100	100	819	
-	Số được đào tạo đạt chuẩn trình độ chuyên môn	người	288	45,7	470	572	672	800	900	1000	712	60,9
-	Số NV cần đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn	người	712		182	102	100	128	100	100	712	


HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ CHO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ

(Kèm theo Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đến tháng 4/2019		Dự báo phát triển trong giai đoạn 2020-2025								
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			
										Số lượng	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)	
1	Thực hiện chương trình GDMN												
-	Tổng số nhóm, lớp	nhóm, lớp	2322		2322	2338	2338	2338	2338	2340	18		
-	Tổng số trẻ em ra lớp	Trẻ	58072		59435	59717	59864	60189	60267	60050	1978		
-	Nhóm, lớp học 2 buổi/ ngày theo CTGDMN	nhóm, lớp	2322	100	2322	2338	2338	2338	2338	2340	18	100	
-	Trẻ em học 2 buổi/ ngày theo CTGDMN	Trẻ	58072	100	59435	59717	59864	60189	60267	60050	1978	100	
-	Nhóm, lớp được LQ với tin học	nhóm, lớp	693		769	845	911	959	992	1021	328		
-	Số trẻ em được LQ với tin học	Trẻ	16434	28,3	20760	23150	25730	26855	27756	30021	13587	50	
-	Số nhóm, lớp được LQ với ngoại ngữ	nhóm, lớp	361		384	424	459	491	526	698	337		
-	Số trẻ em được LQ với ngoại ngữ	Trẻ	9473	16,3	9985	11025	11935	12768	13680	18115	8642	30	
2	Thực hiện chương trình GDMN chất lượng cao												
-	Tổng số nhóm, lớp	nhóm, lớp	0		16	26	36	36	36	36	36		
-	Tổng số trẻ em theo học	Trẻ	0		500	750	1050	1050	1050	1050	1050		
3	Kết quả theo dõi sự PT qua biểu đồ phát triển												
-	Tổng số trẻ em được theo dõi BĐPT	Trẻ	58072		59435	59717	59864	60189	60267	60050	1978		
-	Trẻ SDD thể nhẹ cân	Trẻ	2926	5,1						3000	74	5	
-	Trẻ thừa cân, béo phì	Trẻ	263	0,5						165	-98	0,45	
-	Trẻ SDD thể thấp còi	Trẻ	4767	8,2						4769	2	7,9	
-	Trẻ cần phục hồi SDD các thể	Trẻ	7956	13,7						7934	-22	13,2	
4	Kết quả đánh giá sự phát triển theo CTGDMN												
-	Số trẻ hoàn thành chương trình GDMN	Trẻ	16432	99,8	16415	16418	16424	16425	16427	16430	-2		
-	Số trẻ khuyết tật được hòa nhập	Trẻ	95							121	26		
5	Kết quả tổ chức nấu ăn												
-	Số nhóm, lớp được tổ chức ăn bữa phụ	nhóm, lớp	1340	57,7	1390	1450	1600	1700	1800	1872	532	80	
-	Số trẻ được tổ chức ăn bữa phụ	Trẻ	30820	53,1	33360	34846	40000	42500	46000	48040	17220	80	